

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29- 9- 2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh

2. Bà Trần Thị Bích Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Triệu Đức Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Q, sinh năm 1996 – Có mặt

Nơi ĐKKHKT; Xóm NT, xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN.

Chỗ ở hiện nay: Xóm ĐD, xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh Ninh Văn Đ, sinh năm 1990 – Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm NT, xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hồ Thị Q trình bày:

Chị và anh Ninh Văn Đ kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm NT, xã NH, huyện DH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ chơi cờ dẫn tới thua lỗ, nợ nần một số tiền lớn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị đã về nhà bố mẹ để ở một thời gian, sau đó anh Đ đã viết bản cam đoan sẽ tu chí làm ăn nên chị quay về cùng chung sống nhưng không được bao lâu thì anh Đ lại tiếp tục chơi cờ, cờ bạc. Hiện tại do nợ nhiều không dám trở về nhà, không có trách nhiệm với vợ con, gia đình.

Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh Đạt đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Ninh Tuấn A, sinh ngày 25/5/2015 hiện đang sống với mẹ và ông bà ngoại. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con, hiện chị sống chung với bố mẹ để có nhà ở, thu nhập ổn định đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án anh Ninh Văn Đ xác định về thời gian kết hôn, con chung như chị Q nêu. Anh xác định vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn bất đồng gì. Anh thừa nhận năm 2015 anh có làm ăn thua lỗ, mất một số tiền lớn và có viết bản cam kết với hai bên gia đình sẽ thay đổi. Hiện tại anh xác định mình đã thay đổi, không chơi cờ. Nay chị Q nộp đơn ly hôn, về phía anh, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa tới mức trầm trọng, do đó anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quan điểm của anh nếu vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hồ Thị Q, cho chị Hồ Thị Q được ly hôn với anh Ninh Văn Đ.

+ Về con chung: Giao con chung là Ninh Tuấn A, sinh ngày 25/5/2015 cho chị Hồ Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết vì chị Q chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Hồ Thị Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Hồ Thị Q và anh Ninh Văn Đ, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Ninh Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng anh Đ đều vắng mặt; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa anh Ninh Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Ninh Văn Đ.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị Hồ Thị Q và anh Ninh Văn Đ kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm NT, xã NH, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Đ chơi bời, cờ bạc dẫn tới thua lỗ, nợ nần, không quan tâm tới gia đình, vợ con. Hiện tại vợ chồng đang sống ly thân.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Hồ Thị Q và anh Ninh Văn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hồ Thị Q là có cơ sở chấp nhận, cho chị Hồ Thị Q được ly hôn với anh Ninh Văn Đ là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Ninh Tuấn A, sinh ngày 25/5/2015. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Q đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện cháu Ninh Tuấn A còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, nhiều năm nay cháu đã được chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống đang ổn định. Ngoài ra, tại phiên tòa anh Ninh Văn Đ vắng mặt, Hội đồng xét xử không xác định được quan điểm về con chung của anh Đ tại thời điểm hiện nay. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung là Ninh Tuấn A cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Q chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Hồ Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Hồ Thị Q, cho chị Hồ Thị Q được ly hôn với anh Ninh Văn Đ.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Ninh Tuấn A, sinh ngày 25/5/2015 cho chị Hồ Thị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Ninh Văn Đ vì chị Hồ Thị Q chưa có yêu cầu.

Anh Ninh Văn Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hồ Thị Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016725 ngày 03/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Hồ Thị Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Q, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Đ, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã NH, huyện Đồng Hỷ;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc